

Số: 16.2 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 13 tháng 01 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Quyết định số 3487/QĐ-BQL ngày 26/8/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, công suất 9.799 tấn/năm” tại lô CN1A, khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH PHA Việt Nam làm chủ đầu tư;

Xét Văn bản số 015/CV-PHA.2022 ngày 29/11/2022 của Công ty TNHH PHA Việt Nam về đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số PHA-VN/2023-001 ngày 06/01/2023 của Công ty TNHH PHA Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ hoàn thiện của dự án “Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, công suất 9.799 tấn/năm”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH PHA Việt Nam, địa chỉ tại lô đất CN1A, khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, công suất 9.799 tấn/năm” tại lô CN1A, khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, công suất 9.799 tấn/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: lô đất CN1A, khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 7670031770 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 15/6/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 06/7/2021. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201883651 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19/6/2018, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 24/5/2021.

1.4. Mã số thuế: 0201883651.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các loại linh kiện, phụ tùng ô tô.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 70.000 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công), dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: sản xuất các sản phẩm phụ tùng ô tô: 23.023.426 sản phẩm/năm (trương đương 9.799 tấn/năm), trong đó:

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	
		Sản phẩm/năm	Tấn/năm
1	Chốt mui xe	1.559.160	581,1
2	Bản lề mui xe	1.526.483	1.630,7
3	Chốt nhiên liệu	2.052.428	315,6
4	Chốt cửa	6.058.832	3.903,3
5	Chốt ghế	5.924.180	1.957,1
6	Chốt cốp xe	990.000	333,2

7	Linh kiện của chốt điều khiển cửa sổ ô tô	2.610.000	882
8	Linh kiện của các loại chốt ô tô	2.302.343	196
	<b>Tổng</b>	<b>23.023.426</b>	<b>9.799</b>

## 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này

### Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH PHA Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH PHA Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm**

(Từ ngày 13. tháng 01. năm 2023 đến ngày 13. tháng 01. năm 2033).

**Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký**

Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

**Nơi nhận:**

- UBND TP (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- UBND: phường Đông Hải 2, quận Hải An;
- Công ty TNHH PHA Việt Nam;
- Công ty CP KCN Hải Phòng;
- Các Phòng: QLTNMT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Bùi Ngọc Hải**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 162./GPMT-BQL ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống dẫn nước thải của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH PHA Việt Nam đã ký thỏa thuận điếm đầu nổi nước thải tại Hợp đồng bổ sung số 01 ngày 22/5/2019 kèm theo Hợp đồng tiện ích WUA.0012/2019/DCBH-MKG với Công ty TNHH DEEP C Blue Hải Phòng thuộc Công ty cổ phần khu công nghiệp Hải Phòng (Toàn bộ nước thải từ khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) do Công ty CP khu công nghiệp Hải Phòng làm chủ đầu tư tạm thời được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ theo sự cho phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1559/BTNMT-TCMT ngày 04/4/2019).

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại (06 bể tự hoại, tổng dung tích 51,4 m<sup>3</sup>); Nước thải tại khu nhà bếp được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ (01 bể tách mỡ 02 ngăn, dung tích 6,7 m<sup>3</sup>), toàn bộ nước thải sau đó được thu gom về hệ thống dẫn nước thải của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

(Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ II xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

##### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

###### 1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của dự án:

+ Nước thải từ các khu vệ sinh → Bể tự hoại → Hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II → Trạm xử lý nước thải tập trung

của khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước thải từ khu bếp → Bể tách mỡ → Hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II → Trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

(Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ II xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

- Công suất thiết kế:

+ 06 bể tự hoại, tổng dung tích 51,4 m<sup>3</sup>.

+ 01 bể tách mỡ, dung tích 6,7 m<sup>3</sup>.

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

Không phát sinh nước thải sản xuất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Dự án đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm và đã được Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng ban hành Công văn số 5341/BQL-TNMT ngày 16/12/2021 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với dự án “Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, công suất 9.799 tấn/năm”.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) (khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ II xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

(Deep C2A) về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) (khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ II xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng) để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.162/GPMT-BQL ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải do khí thải phát sinh sau xử lý được xả ra trong phạm vi nhà xưởng sản xuất, không xả trực tiếp ra môi trường bên ngoài.

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải từ 02 máy khắc laser của dây chuyền sản xuất chốt cốp và dây chuyền sản xuất chốt nhiên liệu tại xưởng lắp ráp được thu gom và xử lý tại 02 thiết bị xử lý khí thải sử dụng màng lọc carbon. Khí thải sau xử lý thoát ra khu vực xưởng sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải từ 02 máy khắc laser → Ống hút khí → Thiết bị xử lý khí thải sử dụng màng lọc carbon → Nhà xưởng sản xuất.

- Công suất thiết kế: 600 m<sup>3</sup>/giờ/thiết bị.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: màng lọc carbon.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị, bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí khu vực làm việc.



- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Dự án đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm và đã được Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng ban hành Công văn số 5341/BQL-TNMT ngày 16/12/2022 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với dự án “Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, công suất 9.799 tấn/năm”.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép đối với môi trường tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật tư để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16.2/GPMT-BQL ngày 16 tháng 01 năm 2023  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy đột dập P1907010 – 600 tấn
- Nguồn số 02: Máy đột dập P1907001 – 600 tấn
- Nguồn số 03: Máy đột dập P1907002 – 400 tấn
- Nguồn số 04: Máy đột dập P1907003 – 250 tấn
- Nguồn số 05: Máy đột dập P1907004 – 250 tấn
- Nguồn số 06: Máy đột dập P1907005 – 250 tấn
- Nguồn số 07: Khu vực các máy đột dập P1907006, P1907007, P1907008, P1907009, P1907010, P1907011, P1907012 – 200 tấn đến 250 tấn.
- Nguồn số 08: Xưởng lắp ráp
- Nguồn số 09: Khu vực bãi đỗ xe
- Nguồn số 10: Khu vực công nhà máy

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01 có tọa độ: X(m) = 2301509, Y(m) = 606778;
- Nguồn số 02 có tọa độ: X(m) = 2301509, Y(m) = 606786;
- Nguồn số 03 có tọa độ: X(m) = 2301509, Y(m) = 606789;
- Nguồn số 04 có tọa độ: X(m) = 2301510, Y(m) = 606800;
- Nguồn số 05 có tọa độ: X(m) = 2301510, Y(m) = 606811;
- Nguồn số 06 có tọa độ: X(m) = 2301510, Y(m) = 606820;
- Nguồn số 07 có tọa độ: X(m) = 2301510, Y(m) = 606831;
- Nguồn số 08 có tọa độ: X(m) = 2301393, Y(m) = 606814;
- Nguồn số 09 có tọa độ: X(m) = 2301459, Y(m) = 606930;
- Nguồn số 10 có tọa độ: X(m) = 2301405, Y(m) = 606943;

*(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú

1	70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>
---	----	----	---	-----------------------------

## 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	<i>6 giờ đến 21 giờ</i>	<i>21 giờ đến 6 giờ</i>		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.16.2/GPMT-BQL ngày 13 tháng 01 năm 2023  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	2.300
2	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1.600
3	Bóng đèn led thải, thiết bị, linh kiện điện tử thải từ hoạt động văn phòng, chiếu sáng	Rắn	19 02 05	30
4	Bao bì kim loại thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	7.300
5	Màng lọc carbon thải từ thiết bị xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	2
6	Bao bì cứng bằng nhựa thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	300
7	Pin thải	Rắn	16 01 12	20
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>11.552</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 4.379 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 26,4 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng có nắp đậy. Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5, Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 31,5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm, có công trình phòng chống sự cố rò rỉ chất thải nguy hại dạng lỏng ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, có thùng phuy chứa cát khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Các thùng chứa chuyên dụng, dung tích 01 m<sup>3</sup>/thùng để chứa xốp, nhựa, bìa carton.

+ 01 thùng chứa rác chuyên dụng dung tích 10 m<sup>3</sup> để chứa các loại rác công nghiệp khác.

Các thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng và đáp ứng các quy định tại Khoản 1, Điều 33, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Kho lưu chứa chất thải công nghiệp tập trung:

- 03 kho liền kề, tổng diện tích 123,05 m<sup>2</sup> (bao gồm: 01 kho lưu chứa xốp và nhựa: 40,25 m<sup>2</sup>; 01 kho lưu chứa thùng bìa carton: 41,4 m<sup>2</sup>; 01 kho lưu chứa các loại rác thải công nghiệp khác: 41,4 m<sup>2</sup>). Kho được xây dựng có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm.

- 01 bể chứa phoi thép dung tích 156,6 m<sup>3</sup>, bể chứa nằm sau xưởng đột dập, trong khu vực có mái che, kết cấu: bể hở, móng bê tông cốt thép, tường gạch, có lớp chống thấm tường và đáy bể, đáy bể có hố thu dầu róc từ phoi thép đặt tại góc bể gom.

Kho và bể chứa có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa 10 lít - 240 lít có nắp đậy.

### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 20,7 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho khép kín, có mái che, biển báo, nền bê tông hóa chống thấm, tường khung thép đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.162/GPMT-BQL ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.